

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn;

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị VTT; ĐKKHKT: Thôn 8, A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số D đường E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng - Có mặt.

- Bị đơn: Anh VHN; ĐKKHKT: Thôn 8, A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-10-2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị VTT trình bày:

Chị VTT và anh VHN xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng theo

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54, ngày 04-10-2004. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 10 năm 2015 đến nay, chị VTT và anh VHN đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, chị VTT đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị VTT được ly hôn với anh VHN theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị VTT và anh VHN có 02 con chung là: K, sinh ngày 26-7-2005 và L, sinh ngày 30-7-2011. Hiện tại, chị VTT đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, anh VHN đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Khi ly hôn, chị VTT có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là L, anh VHN được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là K cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, chị VTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị VTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh VHN sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án đã gửi tài liệu trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị VTT. Anh VHN cho rằng, lý do chị VTT xin ly hôn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn trầm trọng là không đúng sự thật. Mâu thuẫn giữa anh VHN với chị VTT chỉ là những vấn đề nhỏ trong quá trình vợ chồng chung sống. Nguyên nhân chị VTT và anh VHN sống ly thân do năm 2015, chị VTT đề nghị xây nhà mới nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên anh VHN không đồng ý. Vì vậy, chị VTT đã chuyển ra ngoài sinh sống. Từ khi chị VTT chuyển ra ngoài sinh sống đến nay, giữa anh VHN và chị VTT không ai nói chuyện với ai, không ai chủ động hòa giải, tìm hiểu nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù không sống cùng nhau nhưng anh VHN và chị VTT vẫn cố gắng cùng nhau chăm sóc các con chung. Hiện tại, anh VHN vẫn còn tình cảm với chị VTT và do các con chung còn nhỏ, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của các con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, anh VHN đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là K và L cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, anh VHN không yêu cầu chị VTT phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, anh VHN không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị VTT và anh VHN kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54, ngày 04-10-2004 nên hôn nhân giữa chị VTT và anh VHN là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị VTT, anh VHN bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 10-2015 đến nay, chị VTT và anh VHN đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị VTT được ly hôn với anh VHN; về con chung: Giao con chung là L, sinh ngày 30-7-2011 cho chị VTT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung L thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung K, sinh ngày 26-7-2005 cho anh VHN trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung K thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị VTT và anh VHN mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: Chị VTT và anh VHN không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị VTT phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện, Sổ tạm trú và Biên bản xác minh ngày 31-12-2021 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng tại Công an phường I, quận J thể hiện: Anh VHN đăng ký tạm trú và thường xuyên sinh sống tại số H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị VTT với bị đơn

là anh VHN thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân : Chị VTT và anh VHN kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54, ngày 04-10-2004 nên quan hệ hôn nhân giữa chị VTT và anh VHN là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn: Chị VTT cho rằng quá trình chung sống, giữa chị VTT và anh VHN phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không phù hợp. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 10 năm 2015 đến nay, chị VTT và anh VHN đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Do vậy, chị VTT làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, giải quyết cho chị VTT được ly hôn với anh VHN theo quy định của pháp luật.

[3.1] Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh VHN sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án đã gửi tài liệu trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị VTT; lời khai trong quá trình Tòa án lập biên bản làm việc thể hiện: Anh VHN cho rằng, lý do chị VTT xin ly hôn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn trầm trọng là không đúng sự thật. Mâu thuẫn giữa anh VHN với chị VTT chỉ là những vấn đề nhỏ trong quá trình vợ chồng chung sống. Nguyên nhân chị VTT và anh VHN sống ly thân do năm 2015, chị VTT đề nghị xây nhà nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên anh VHN không đồng ý. Vì vậy, chị VTT đã chuyển ra ngoài sinh sống. Từ khi chị VTT chuyển ra ngoài sinh sống đến nay, giữa anh VHN và chị VTT không ai nói chuyện với ai, không ai chủ động hòa giải, tìm hiểu nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù không sống cùng nhau nhưng anh VHN và chị VTT vẫn cố gắng cùng nhau chăm sóc các con chung. Hiện tại, anh VHN vẫn còn tình cảm với chị VTT và do các con chung còn nhỏ, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của các con nên anh VHN không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, anh VHN đề nghị được nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung cho đến khi các con thành niên, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, anh VHN không yêu cầu chị VTT phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, anh VHN không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.2] Tại Biên bản do Tòa án xác minh ngày 30-12-2021 tại phường I thể hiện: Anh VHN và chị VTT có đăng ký kết hôn hay không, địa phương không nắm được. Tuy nhiên, anh VHN và chị VTT có chung sống với nhau tại địa chỉ số H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng khoảng từ năm 2010. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân. Từ khoảng năm 2016 đến nay, chị VTT đi đâu, làm gì, địa phương không nắm được. Giữa anh VHN và chị

VTT có 02 con chung là K, sinh ngày 26-7-2005 và L, sinh ngày 30-7-2011. Hiện tại, anh VHN và cháu K vẫn thường xuyên ăn ở, sinh hoạt tại địa chỉ số H, phường I, quận J. Chị VTT và cháu L ở đâu, địa phương không biết nhưng thỉnh thoảng có thấy cháu L về chơi với anh VHN và cháu K.

[3.3] Tại Đơn đề nghị ngày 24-12-2021 gửi Tòa án, ông M và bà N (là bố đẻ và mẹ đẻ chị VTT) trình bày: Chị VTT và anh VHN xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C năm 2004. Quá trình chung sống, chị VTT và anh VHN chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, không cùng quan điểm sống và sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay, chị VTT làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh VHN, ông Thùy và bà Văng đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo nguyện vọng của chị VTT. Khi ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị VTT được nuôi dưỡng cháu L; về vấn đề cấp dưỡng và chia tài sản chung, chị VTT và anh VHN tự thỏa thuận.

[3.4] Tại Đơn đề nghị ngày 10 tháng 3 năm 2022, cháu K trình bày: Bố mẹ cháu sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, mong Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu đoàn tụ. Trường hợp không hòa giải được thì cháu K đề nghị được ở với bố vì hiện tại cháu K đang ở với bố, muốn được bố tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và thuận lợi cho việc học của cháu vì cơ quan bố làm việc gần trường cháu K đang học.

[3.5] Tại Đơn đề nghị ngày 12 tháng 3 năm 2022, cháu L trình bày: Bố mẹ cháu sống ly thân từ tháng 10 năm 2015 đến nay. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, mong Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu đoàn tụ. Trường hợp không hòa giải được thì cháu đề nghị được ở với mẹ vì trong thời gian bố mẹ sống ly thân cháu L chủ yếu ở với mẹ, muốn được mẹ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và thuận lợi cho việc học của cháu vì mẹ cháu là giáo viên.

[3.6] Tại Biên bản làm việc ngày 03 tháng 6 năm 2022 có xác nhận của chị VTT và anh VHN, Tòa án đã hỏi ý kiến, nguyện vọng và được cháu K, cháu L trình bày như sau: Các cháu không muốn bố mẹ ly hôn nhưng sẽ tôn trọng mọi quyết định của bố mẹ. Hiện nay, cháu K ở với anh VHN từ thứ hai đến thứ 7, còn chủ nhật về ở với chị VTT; cháu L ở với chị VTT từ thứ 2 đến thứ 7, còn chủ nhật về ở với anh VHN. VHN vọng của cháu K được ở với anh VHN và cháu L được ở với chị VTT.

[3.7] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, theo đề nghị của anh VHN, Tòa án đã tạo điều kiện để anh VHN sắp xếp thời gian tiến hành hàn gắn mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ với chị VTT. Tuy nhiên, trong suốt thời gian từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, anh VHN không có kế hoạch và đưa ra các giải pháp nào để hòa giải mâu thuẫn đoàn tụ gia đình với chị VTT. Mặt khác, chị VTT cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với anh VHN. Từ những phân tích và đánh giá nêu trên,

xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị VTT và anh VHN không đạt được mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị VTT yêu cầu ly hôn với anh VHN là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị VTT: Chị VTT được ly hôn với anh VHN.

[4] Về con chung: Chị VTT và anh VHN có 02 con chung là K, sinh ngày 26-7-2005 và L, sinh ngày 30-7-2011. Hiện tại, chị VTT đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, anh VHN đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy, chị VTT và anh VHN đều có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nên giao cho chị VTT và anh VHN mỗi người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là phù hợp. Hiện tại, chị VTT đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L; anh VHN đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K nên giao cháu L cho chị VTT trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu K cho anh VHN trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu K và cháu L như đã phân tích, nhận định tại mục [3.4], [3.5], [3.6].

[5] Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị VTT và anh VHN mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung : Chị VTT và anh VHN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị VTT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị VTT được ly hôn anh VHN.

2. Về con chung: Giao con chung L, sinh ngày 30-7-2011 cho chị VTT trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung K, sinh ngày 26-7-2005 cho anh VHN trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị VTT và anh VHN không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị VTT và anh VHN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị VTT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009506, ngày 12-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị VTT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND xã B, huyện C, TP.Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Chung